

Số: /GP-UBND Sơn La, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; Thông tư số 40/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 13/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Phiêng Hay (khu 3+khu 4), phường Chiềng An, tỉnh Sơn La;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Phiêng Hay (khu 3+khu 4), phường Chiềng An, tỉnh Sơn La (nộp bổ sung ngày 04/5/2026) của Công ty TNHH MTV Hữu Hào Tây Bắc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 471/TTr-SNNMT ngày 08/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Hữu Hảo Tây Bắc được thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Phiêng Hay (khu 3+khu 4), phường Chiềng An, tỉnh Sơn La với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản: Đá vôi.

2. Vị trí khu vực thăm dò: Bản Phiêng Hay, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La.

3. Diện tích khu vực được thăm dò: 12,18 ha (gồm khu 3 có diện tích 5,84 ha; khu 4 có diện tích 6,34 ha) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Giấy phép này.

4. Mức sâu thấp nhất được phép thăm dò: +550m.

5. Phương pháp khối lượng công tác thăm dò: Theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép này.

6. Thời gian thăm dò: 09 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH MTV Hữu Hảo Tây Bắc có trách nhiệm

1.1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

1.2. Thực hiện thăm dò mỏ đá theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản hợp, thông qua.

1.3. Các yêu cầu khác

- Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La hoặc đơn vị được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La ủy quyền trong quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của Đề án.

- Chỉ được phép thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, sau khi đã thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

- Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản tại mỏ. Trước khi tiến hành lấy mẫu công

nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

- Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng đất, bảo vệ môi trường,... chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động kiểm tra, rà soát nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Chiềng An: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH MTV Hữu Hào Tây Bắc. Trường hợp phát hiện các sai phạm thì xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Các Sở: NN&MT, XD, TC, CT;
- UBND phường Chiềng An;
- Công ty TNHH MTV Hữu Hào Tây Bắc;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, HS, THKT - Hiệu 12 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 01

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số /GP-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

Khu vực thăm dò	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
		X (m)	Y(m)	
Khu vực đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Phiêng Hay (Khu 3)	1-K3	2366284,77	492412,62	5,84
	2-K3	2366423,53	492660,92	
	3-K3	2366446,92	492659,51	
	4-K3	2366469,76	492643,11	
	5-K3	2366490,45	492621,51	
	6-K3	2366509,74	492615,43	
	7-K3	2366536,33	492599,36	
	8-K3	2366544,40	492598,19	
	9-K3	2366568,14	492567,60	
	10-K3	2366593,99	492558,60	
	11-K3	2366541,51	492440,53	
	12-K3	2366493,88	492390,11	
	13-K3	2366460,25	492345,42	
	14-K3	2366440,47	492353,93	
	15-K3	2366424,73	492353,93	
	16-K3	2366382,72	492318,09	
Khu vực đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Phiêng Hay (Khu 4)	1-K4	2366382,72	492318,09	6,34
	2-K4	2366537,00	492158,00	
	3-K4	2366733,42	492413,69	
	4-K4	2366721,51	492430,65	
	5-K4	2366701,71	492449,96	
	6-K4	2366706,05	492507,01	
	7-K4	2366683,62	492521,15	
	8-K4	2366659,63	492530,06	
	9-K4	2366623,14	492533,61	
	10-K4	2366606,49	492554,23	
	11-K4	2366593,99	492558,60	

	12-K4	2366541,51	492440,53	
	13-K4	2366493,88	492390,11	
	14-K4	2366460,25	492345,42	
	15-K4	2366440,47	492353,93	
	16-K4	2366424,73	492353,93	